

Bản án số: 40/2025/DS-ST

Ngày: 09-6-2025

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hồng Khánh

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Tài chính TNHH MTV S**; Địa chỉ trụ sở: Tầng 19, tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng, đường T, phường T, thành phố T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân H1, sinh năm 2002; Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1994; Ông Lương Văn C, sinh năm 1992; Ông Lê Đình Minh T, sinh năm 1999 và bà Đỗ Thị Thùy T, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: 81 N, phường H, quận H, thành phố Đ (Theo Giấy ủy quyền số 048/2024/GUQ-TGD ngày 04/10/2024 của Tổng Giám đốc Công ty tài chính MTV S; Giấy ủy quyền số 41/2024/UQ-KK-SVFC ngày 11/11/2024 của đại diện Công ty tài chính MTV S; Văn bản ủy quyền số: 16/UQ2024 ngày 11/11/2024 của Công ty Luật TNHH MTV D). Ông H1 có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Đặng Thị Minh H**, sinh năm 1981; Căn cước công dân số: 048175005xxx; Ngày cấp: 12/08/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Tổ 04, thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/12/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Xuân H1 trình bày:

Ngày 07/11/2019, Công ty Tài chính TNHH MTV S (Sau đây gọi tắt là “Công ty tài chính S” hoặc “Công ty”) và bà Đặng Thị Minh H có ký hợp đồng

cho vay số 100172055 (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”). Theo đó, Công ty Tài chính TNHH MTV S cho bà Đặng Thị Minh H vay số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) với lãi suất 31 %/năm; mục đích vay: Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình; loại hình vay: tín chấp (*không yêu cầu tài sản đảm bảo*). Vào ngày 07/11/2019, Công ty tài chính S Việt Nam đã giải ngân đủ số tiền 60.000.000 đồng cho bà Đặng Thị Minh H. Căn cứ quy định của hợp đồng, bà Đặng Thị Minh H có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm nợ gốc và lãi trong vòng 36 kỳ vào ngày 01 hàng tháng, kỳ đầu tiên vào ngày 01/12/2019 và kỳ cuối cùng vào ngày 01/11/2022, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 2.561.787 đồng, kỳ cuối cùng là 2.567.797 đồng.

Tuy nhiên đến ngày 30/06/2021, bà Đặng Thị Minh H chỉ mới thanh toán tổng cộng 18 (*mười tám*) kỳ với tổng số tiền là 47.239.870đ (*Bốn mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi đồng*). Trong đó nợ gốc đã trả là: 24.426.850 đồng, lãi đã trả là 22.813.020 đồng. Bà Đặng Thị Minh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện, nhưng bà Đặng Thị Minh H vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH MTV S như đã cam kết.

Vì vậy, Công ty Tài chính TNHH MTV S kính đề nghị Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giải quyết các vấn đề sau:

1. Yêu cầu bà Đặng Thị Minh H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 09/06/2025 (ngày xét xử), như sau:

+ Nợ gốc	: 35.573.150 đồng;
+ Nợ lãi trong hạn	: 9.653.593 đồng;
+ Lãi gốc quá hạn	: 53.537.688 đồng;
+ Lãi lãi chậm trả	: 3.411.111 đồng;

Tổng số tiền là 102.175.542đ (*Một trăm lẻ hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng*).

2. Yêu cầu bà Đặng Thị Minh H tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng tính trên dư nợ gốc và lãi trong hạn tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

* *Bị đơn là bà Đặng Thị Minh H trình bày tại bản tự khai ngày 05/5/2025 và tại Biên bản hòa giải ngày 05/5/2025*: Bà Đặng Thị Minh H thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc Bà H có vay của Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam. Bà H xác định còn nợ Công ty Tài chính TNHH MTV S tính đến ngày 05/05/2025 như sau: Nợ gốc: 35.573.150 đồng; nợ lãi trong hạn: 9.653.593 đồng; lãi gốc quá hạn: 51.951.516 đồng; lãi lãi chậm trả: 3.318.542 đồng. Tổng cộng là: 100.496.801đ (*Một trăm triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm lẻ một đồng*). Hiện nay do hoàn cảnh rất khó khăn, thất nghiệp không có việc làm nên Bà H không có khả năng trả nợ đúng hạn cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện thì Bà H thống nhất số tiền nợ gốc, nợ lãi như nguyên đơn đã khởi kiện và xin nguyên đơn cho bà trả mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về pháp luật áp dụng*: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 100172055 ngày 07/11/2019; giữa bên cho vay là Công ty Tài chính TNHH MTV S với bên vay tiền là bà Đặng Thị Minh H. Đây là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các bên có tranh chấp, Công ty Tài chính TNHH MTV S khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Minh H phải trả số tiền còn nợ. Vì vậy, Tòa án xem xét áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực pháp luật tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng và pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, thời hiệu khởi kiện được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự. Theo Hợp đồng cho vay ngày 07/11/2019 thì thời hạn trả gốc và lãi là 36 kỳ, tương ứng với thời gian trả cuối cùng là ngày 01/11/2022. Ngày 04/12/2024, Công ty Tài chính TNHH S đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng vay, nên theo quy định tại Điều 429 và khoản 1 Điều 154 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[3] *Về thẩm quyền*: Bị đơn là bà Đặng Thị Minh H có địa chỉ tại tổ 4, thôn G, xã H, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

[4] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là bà Đặng Thị Minh H vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] *Về nội dung*: Vào ngày 07/11/2019 Công ty Tài chính TNHH MTV S đã giải ngân cho Bà H vay số tiền 60.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số 100172055. Theo đại diện nguyên đơn trình bày thì Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị Minh H phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn tính đến ngày 09/6/2025 là 102.175.542đ (*Một trăm lẻ hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng*) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay tài sản mà các bên đã ký kết, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn là bà Đặng Thị Minh H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Bà H thừa nhận có nợ khoản tiền như nguyên đơn khởi kiện và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 07/11/2019 bà Đặng Thị Minh H có ký với Công ty Tài chính TNHH MTV S Hợp đồng cho vay số 100172055 theo đó Bà H vay số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*) với lãi suất 31%/năm; mục đích vay: mua đồ dùng trang thiết bị trong gia đình và cam kết trả nợ trong thời hạn 36 kỳ (03 năm), kỳ trả số tiền gốc, lãi đầu tiên là ngày 01/12/2019 và kỳ cuối cùng là ngày 01/11/2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản thì Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, không thực hiện

đúng nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết trong Hợp đồng cho vay, bị đơn là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, do vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến 09/6/2025 là 102.175.542đ (*Một trăm lẻ hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng*) và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng cho vay số 100172055 ngày 07/11/2019, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Quốc Hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, nợ lãi chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết.

[7] Xét lời trình bày của bị đơn là bà Đặng Thị Minh H thì thấy: Bà H thừa nhận có nợ số tiền như nguyên đơn khởi kiện, tuy nhiên bà xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số nợ nhưng không được đại diện nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của bà, nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn là bà Đặng Thị Minh H phải chịu án phí theo giá ngạch là $102.175.542 \text{ đồng} \times 5\% = 5.108.777 \text{ đồng}$.

[9] Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV S số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 429 và khoản 1 Điều 154; các Điều 117, 119, 274, 275, 280, 351, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Quốc Hội.

- Căn cứ vào Điều 7 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Tài chính TNHH MTV S về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn là bà Đặng Thị Minh H.

1. Buộc bà Đặng Thị Minh H phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV S số tiền tính đến ngày 09/6/2025 là: 102.175.542đ (*Một trăm lẻ hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng*); trong đó: nợ gốc là 35.573.150

đồng; nợ lãi trong hạn là: 9.653.593 đồng; lãi gốc quá hạn: 53.537.688 đồng; lãi chậm trả: 3.411.111 đồng;

Và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 100172055 ngày 07/11/2019.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc bà Đặng Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.108.777đ (*Năm triệu, một trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

+ Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV S số tiền tạm ứng án phí 2.284.000đ (*Hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008370 ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đức Thiện